BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Số:426 /QĐ-ĐHXDMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 107/NQ-HĐT ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung; Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-ĐHXDMT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy định về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2025-2026 đối với sinh viên ngày 12 tháng 06 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí cho 29 sinh viên thuộc đối tượng: Con bệnh binh; con thương binh; hưởng chính sách như thương bình; con của người bị tai nạn lao động; con mồ côi được hưởng trợ cấp thường xuyên; dân tộc ít người thuộc xã đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo - hộ cận nghèo; bản thân khuyết tật (có danh sách trích ngang kèm theo).

Điều 2. Chi trả miễn, giảm học phí học kỳ II năm 2025-2026 được thực hiện cho 05 tháng năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, cố vấn học tập và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Cố vấn học tập, lớp sinh viên;
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV, KH-TC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TS. Lê Đức Thường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026

(kèm theo Quyết định số 426/QĐ-ĐHXDMT ngày *02* tháng *6* năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Lớp	Đối tượng miễn giảm học phí	Phần % miễn giảm theo NĐ 238/2025	Số tiền học phí 01 tháng	Số tháng được nhận	Số tiền được nhận 05 tháng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	22Q75802011022	NGUYỄN VĂN	CHƯƠNG	D22XDK1	CCNMSLĐ	**50%**	1,850,000	05	4,625,000	
2	24Q75803011037	BLING Ý	SU	D24KXC1	DTIN (cơ tu), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
3	24Q75102051074	SO MINH	CHÂU	D24COK1	DTIN (Chăm), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
4	23Q75801031011	VY THỊ MINH	NGUYỆT	D23KNT1	DTIN (Tày), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
5	22Q73403012074	NGUYỄN THỊ THU	NHÀN	D22KDC1	BTKT (tim bẩm sinh)	100%	1,590,000	05	7,950,000	
6	22Q75801011028	TRƯỢNG VĂN	QUYẾN	D22KTR1	DTIN (chăm)- HN 2025	100%	1,850,000	05	9,250,000	
7	22Q75802011040	NGUYỄN QUỲNH PHI	HẢI	D22XDK1	CCNBNCĐHH	100%	1,850,000	05	9,250,000	
8	23Q74802012007	NGUYỄN LÊ HẢI	TRIỀU	D23CTC2	BTKT (ung thư máu)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
9	23Q75102051034	BÙI ĐOÀN QUAN	HOÀNG	D23COK1	BTKT	100%	1,850,000	05	9,250,000	
10	23DN5802011027	HUỲNH NGỌC	TRUNG	D23X1DN	CMC (có trợ cấp)	100%	1,850,000	05	9,250,000	Phân hiệu
11	23DN5803021004	TỪ HỒ QUANG	NINH	D23QX1DN	BTKT	100%	1,850,000	05	9,250,000	Phân hiệu
12	22DN5802011031	HUỲNH TẤN	TÀI	D22X1DN	DTIN (Gié-Triêng), HN 2025	100%	1,850,000	05	9,250,000	Phân hiệu
13	23DN5802011019	PUIH ADĂM	QUI	D23X1DN	DTIN (Jray), HCN 2025	100%	1,850,000	05	9,250,000	Phân hiệu
14	24Q74802011042	NGUYỄN TẤN	TÀI	D24CTC1	CMC (có trợ cấp)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
15	24Q74802011094	NGUYỄN XUÂN	ĐẠI	D24CTC1	BTKT (vận động nặng)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
16	24Q75102051097	PHAN THANH	TUẤN	D24COK2	BTKT (tâm thần nặng)	100%	1,850,000	05	9,250,000	

17	24D75802011012	TRẦN LÊ	ĐỨC	D24XDK1DN	CTB	100%	1,850,000	05	9,250,000	Phân hiệu
18	24D73401011009	BÙI XUÂN QUỲNH	NHUNG	D24QHC1DN	CTB	100%	1,590,000	05	7,950,000	Phân hiệu
19	23Q74802011028	RƠ Ô	NÂU	D23CTC1	DTIN (Jray), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
20	25Q75802011109	PHẠM VĂN	TRỌNG	D25XDK2	DTIN (Chăm), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
21	25Q73401013023	NGUYỄN VĂN TRÍ	THIỆN	D25QHC1	CTB	100%	1,590,000	05	7,950,000	
22	25Q75801031009	LƯƠNG THANH	NGÂN	D25KNT1	BTKT (Ung thư máu)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
23	25Q75803021010	TRƯƠNG CAO HOÀNG	OANH	D25QXK1	DTIN (Raglay), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
24	25Q73401013049	ĐẶNG HOÀNG NGUYỆT	MY	D25QHC1	BTKT (thận)	100%	1,590,000	05	7,950,000	
25	25Q75102051034	KPĂ NGUYỄN	HUY	D25COK1	DTIN (Êde), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
26	25Q75102051112	LÊ HUY	TRƯỜNG	D25COK1	DTIN (Bana), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
27	24D75802011034	DOÃN THANH	BẰNG	D24XDK1DN	DTIN (Cơtu), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
28	25D75102051063	NGUYỄN BÁ	NHỰT	D25COK2DN	BTKT (nói)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
29	25Q75102051066	BẾ XUÂN	KHÔI	D25COK1	DTIN (Nùng), XĐBKK	**70%**	1,850,000	05	6,475,000	
TỔNG CỘNG									**230,675,000**	

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn